TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2019
V/v: "***Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Ông **Bùi Xuân Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị U**, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh H**, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt - Bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Chị **Lê Thị U** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 12/12/2008*).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Chí H sinh ngày 22/7/2011. Hiện, cháu H do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

*Đối với bị đơn anh **Lê Minh H:*** Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Lê Chí Hiếu có nguyện vọng được sống chung với chị Lê Thị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Chị Lê Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*". Anh Lê Minh H có hộ khẩu thường trú tại huyện Trần Văn Thời nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị U có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Lê Minh H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Lê Thị U và anh Lê Minh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 12/12/2008*) nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị U có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và yêu cầu này của chị U đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thơi thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật về tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng phía anh H vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải tại Tòa án. Tòa án căn cứ Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không tiến hành hòa giải được. Sau đó, Tòa án căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ và tại phiên tòa lần thứ hai anh H vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc chị U xin ly hôn. Như vậy, anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, đồng thời tại đơn yêu cầu

xét xử vắng mặt chị U xác định không còn tình cảm gì với anh H và cương quyết xin ly hôn. Xét, quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị U được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị U, anh H có 01 người con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 22/7/2011. Hiên, cháu H do chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Đối với anh H vắng mặt, cũng không có văn bản gửi đến Tòa án về việc chị U yêu cầu nuôi con chung nên không có cơ sở xem xét.

Xét, con chung tên Lê Chí H hiện đang ở chung với chị U và và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị U. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu H cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tạo điều kiện ổn định về mọi mặt cho cháu H. Tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Chị U không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 207, Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị U được ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: Giao cháu Lê Chí H, sinh ngày 22/7/2011 cho chị Lê Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị U không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị U đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002992 ngày 19/4/2019, được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang